TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18-02–2021
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống;

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1980 *(có mặt).*

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Dư Minh Th, sinh năm 1979 *(vắng mặt).*

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Dư Minh Th chung sống vào năm 2002, hôn nhân không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Đến năm 2015, vợ chồng đăng ký kết hôn lại vì lúc đầu đăng ký kết hôn mà chưa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ, chồng không hòa hợp, thường xảy ra mâu Tẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ông Th có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ

chồng tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, người nào lo phận nấy. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Dư Minh Th.

- Về nuôi con: Có 02 người con chung.

+ Dư Thị Huyền T, sinh ngày 20/5/2003 (nữ), đã có việc làm ổn định.

+ Dư Hoàng S, sinh ngày 03/02/2005 (nam), đã nghỉ học.

Hiện nay hai người con đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi hết hai người con, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về chia tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Dư Minh Th:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Th không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà T yêu cầu ly hôn, nuôi con, về chia tài sản và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Th vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mộng T cương quyết ly hôn với ông Dư Minh Th vì đầu năm 2020, bà T đã từng gửi đơn yêu cầu ly hôn với ông Th, sau đó đã rút đơn (Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự) để tạo điều kiện cho ông Th sửa đổi, vợ chồng hàn gắn hôn nhân nhưng không có kết quả. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Dư Hoàng Sáng, giao cháu Dư Thị Huyền Trân cho ông Th nuôi dưỡng. Hiện nay bà T làm nghề mua bán (cua mẹ), thu nhập đủ đảm bảo cuộc sống cho bản thân và nuôi con, còn ông Th cũng làm nghề mua bán cua thịt, thu nhập ổn định.

Ông Dư Minh Th vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với ông Dư Minh Th, yêu cầu nuôi con ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa bà T và ông Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Đối với ông Dư Minh Th đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Dư Minh Th.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Dư Minh Th chung sống vào năm 2002, hôn nhân không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Đến ngày 30/6/2015, bà T và ông Th lập thủ tục đăng ký kết hôn lại,

giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số: 01/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Dư Minh Th được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông Th phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Th không chung thủy một vợ, một chồng, bà T nhiều lần khuyên can nhưng ông Th vẫn không sửa đổi. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, người nào lo phận nấy. Đầu năm 2020, bà T đã từng gửi đơn yêu cầu ly hôn với ông Th, sau đó đã rút đơn và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/03/2020, từ đó đến nay tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Dư Minh Th. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông Th không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà T, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông Th không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mộng T đối với ông Dư Minh Th theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có 02 người con chung.

+ Dư Thị Huyền T, sinh ngày 20/5/2003 (nữ);

+ Dư Hoàng S, sinh ngày 03/02/2005 (nam).

Hiện nay hai người con đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Hoàng S, giao cháu Huyền T cho ông Th nuôi dưỡng và ông Th không có ý kiến phản hồi. Yêu cầu nuôi con của bà T là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các người con được thể hiện tại Đơn yêu cầu đề ngày 27/10/2020. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, cần giao cháu Hoàng Sáng cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Huyền T cho ông Dư Minh Th nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mộng T ly hôn với ông Dư Minh Th.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

+ Dư Thị Huyền T, sinh ngày 20/5/2003 (nữ);

+ Dư Hoàng S, sinh ngày 03/02/2005 (nam).

Khi ly hôn, giao cháu Dư Hoàng S cho bà Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giao cháu Dư Thị Huyền T cho ông Dư Minh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã n ộp theo biên lai thu tiền số 0007413 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền